TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2018/DS-PT
Ngày: 9-8-2018
V/v Tranh chấp về dân sự - hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Ông Trương Phước Tự.

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Bùi Văn Thân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 02/8/2018, 09/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2018/TLPT-DS, ngày 06 tháng 6 năm 2018, về việc "Tranh chấp về dân sự - hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 12/3/2018 của Toà án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 190/2018/QĐ-PT, ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Hoài Đ, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: đường Nguyễn Tri P, phường An K, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ thường trú: khóm Cồng C, phường An L, thị xã Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Vũ L, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm Trà Đ, phường An L, thị xã Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1944; địa chỉ: Khóm An T, phường An L, thị xã Hồng N, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Trương Thị Cẩm L1 (vợ anh L), sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm Trà Đ, phường An L, thị xã Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Khóm 2, phường An T, thị xã Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

3.2 Huỳnh Thị Phương D, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Trường S, Phường 12, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Anh Lê Hoài Đ là nguyên đơn và anh Nguyễn Vũ L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Lê Hoài Đ trình bày:

Anh và anh Nguyễn Vũ L là bạn bè, nên anh L có hỏi mượn tiền của anh 02 lần. Lần thứ nhất vào ngày 11/7/2016 anh L mượn 76.000.000đồng, địa điểm tại quán cà phê EoVi thuộc phường An T, thị xã Hồng N. Khi mượn không viết biên nhận nợ số tiền này, anh L mượn để trả nợ Ngân hàng do mẹ của L là bà Nguyễn Thị D1 vay; lần thứ hai vào ngày 03/9/2016, anh L tiếp tục hỏi mượn anh số tiền 400.000.000đồng, địa điểm cho mượn tiền tại nhà anh L, lần mượn này thì anh Đ tự viết "Biên nhận nợ" cho hai khoảng tiền 76.000.000đồng và 400.000.000đồng, sau đó anh L ký tên và viết họ tên "Nguyễn Vũ L" phía dưới biên nhận nợ.

Hai lần mượn tiền thì chỉ có anh và anh L, ngoài ra không có ai.

Mục đích anh L mượn tiền để tiêu xài cá nhân và để làm ăn mua bán tủ nhôm. Anh L có nói với anh Đ là được thừa hưởng phần đất của mẹ (bà D1) chết để lại, khi nào bán đất xong thì anh L trả tiền cho anh Đ.

Lần mượn 400.000.000đồng, anh L có đưa cho anh Đ bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh L đứng tên chủ sở hữu.

Nay anh Lê Hoài Đ yêu cầu anh Nguyễn Vũ L phải trả số tiền mượn còn thiếu là 476.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Nguyễn Vũ L:

Anh L không có mối quan hệ gì với anh Đ, sau khi mẹ anh L tên là Nguyễn Thị D1 chết, thì chị Nguyễn Thị Mỹ L2 về chịu tang mẹ được một tháng và chị L2 về Đài Loan. Sau đó Mỹ L2 có gọi về cho anh L và nói có gửi 71.000.000đồng về cho anh Lê Hoài Đ để trả nợ Ngân hàng thương mại cổ phần

công thương Việt Nam chi nhánh Đồng Tháp - Phòng giao dịch thị xã Hồng Ngự mà khi còn sống mẹ anh đã vay gốc 70.000.000đồng và tiền lãi 1.000.000đồng.

Chị L2 kêu anh L ra khu bờ Đông gần Ngân hàng để đón anh Đ, khi đó anh L mới biết mặt anh Đức. Anh Đ là người trực tiếp đưa tiền cho giao dịch viên tại Ngân hàng và anh Đ là người ký tên trong biên lai trả nợ Ngân hàng, anh L và anh Đ trả tiền cho Ngân hàng vào ngày 09/7/2016.

Khi trả tiền Ngân hàng xong thì khoảng 05 ngày, chị Mỹ L2 có điện thoại cho anh L đến tại quán cà phê EoVi gặp anh Đ để ghi biên nhận để chị Mỹ L2 có cơ sở nói chuyện với chồng chị L2 ở nước ngoài là có gửi 71.000.000đồng về Việt Nam để trả tiền Ngân hàng cho mẹ, nên anh L tự tay viết biên nhận "Biên nhận" đề ngày 11/7/2016 có nội dung là: "Tôi có nhận của chị Nguyễn Thị Mỹ L2 số tiền 76.000.000đồng" anh ký tên và ghi họ tên dưới biên nhận, anh L viết trong giấy tập học sinh, viết xong thì anh Đ là người giữ biên nhận.

Nguyên nhân chị Mỹ L2 gửi về 71.000.000đồng cho anh Đ cùng anh L trả nợ Ngân hàng, nhưng anh lại ghi biên nhận 76.000.000đồng là khi trả nợ xong thì anh Đ đề cập chi phí xăng và công anh Đ chạy xe 04 bánh từ Cần Thơ về đây, nên tiền xăng là 5.000.000đồng, tổng cộng số tiền là 76.000.000đồng.

Nay anh Nguyễn Vũ L không đồng ý theo yêu cầu của anh Đ và yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trương Thị Cẩm L1 trình bày:

Ngày 07/11/2017, chị và chồng chị tên là Nguyễn Vũ L đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chị Huỳnh Thị Phương D, nhưng sau đó không thành.

Nay, chị Trương Thị Cẩm L1 thấy việc mua bán đất không liên quan gì đến vụ án này, nên chị L1 không yêu cầu giải quyết, nếu sau này tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết sau.

Huỳnh Thị Phương D tại tòa sơ thẩm trình bày:

Ngày 07/11/2017, chị và vợ chồng anh Nguyễn Vũ L đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sau khi ký xong, chị nộp hồ sơ vào một cửa để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định, nhưng không thực hiện được, vì một cửa Ủy ban nhân dân thị xã Hồng Ngự đưa cho chị công văn của Tòa án về việc ngăn chặn chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sự việc đã không thành.

Nay, chị Huỳnh Thị Phương D thấy việc mua bán đất không liên quan gì đến vụ án này, nên chị D không yêu cầu giải quyết, nếu sau này tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết sau.

Bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 12/3/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự tuyên xử:

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 400.000.000đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 76.000.000đồng.

Buộc anh Nguyễn Vũ L phải trả cho anh Lê Hoài Đ số tiền vay còn thiếu gốc 76.000.000đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày anh Lê Hoài Đ có đơn yêu cầu thi hành án, mà anh Nguyễn Vũ L chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thi hành cho đến khi thi hành xong.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2017/QĐ-BPKCTT ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp để đảm bảo thi hành án.

Về chi phí giám định:

Anh Lê Hoài Đ phải chịu chi phí giám định 1.500.000đồng (đã nộp và chi xong);

Anh Nguyễn Vũ L phải chịu chi phí giám định 2.025.000đồng (đã nộp và chi xong).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Hoài Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 11.520.000đồng theo biên lai thu số:034479 ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; anh Lê Hoài Đ còn phải nộp 8.480.000đồng *(Tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Anh Nguyễn Vũ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.800.000đồng *(Ba triệu tám trăm nghìn đồng)*;

Chị Trương Thị Cẩm L1 và chị Huỳnh Thị Phương D đều không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/3/2018 bị đơn Nguyễn Vũ L và ngày 26/3/2018 nguyên đơn Lê Hoài Đ có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST, ngày 12/3/2018, của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự.

- Anh Nguyễn Vũ L kháng cáo không đồng ý trả cho anh Đ số tiền 76.000.000 đồng.

- Anh Lê Hoài Đ kháng cáo sửa án sơ thẩm, yêu cầu Tòa phúc thẩm chấp nhận khởi kiện của anh Đ, buộc anh Nguyễn Vũ L trả cho anh Đ số tiền là 476.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn, anh Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, trong đơn anh Đ xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, yêu cầu tòa phúc thẩm xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của anh Đ, buộc anh L trả cho anh Đ 476.000.000đ tiền vay theo biên nhận anh L ký tên ngày 03/9/2016.

Phía bị đơn, anh L giữ nguyên nội dung kháng cáo không đồng ý trả cho anh Đ 76.000.000đ như án sơ thẩm đã tuyên, yêu cầu tòa phúc thẩm xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu 476.000.000đ của nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh đã phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Đ, không chấp nhận kháng cáo của anh L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh Lê Hoài Đ là nguyên đơn và là người kháng cáo đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử phúc thẩm vắng mặt anh, đơn hợp lệ, nên tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp pháp luật.

[2]. Về nội dung:

+ Việc giao dịch vay tiền giữa anh Linh với anh Đ là có thật, tuy anh L không thừa nhận giao dịch vay, nhưng anh L thừa nhận anh có cùng anh Đ đến tại Ngân hàng, anh Đ đưa tiền ra trả nợ, khoản nợ của bà D1 mẹ anh L vay Ngân hàng và anh L nhận lấy giấy tờ đất thế chấp Ngân hàng về và nghĩa vụ trả nợ này thuộc về gia đình anh L, chứ không phải nghĩa vụ của anh Đ, chứng tỏ anh L có sử dụng tiền của anh Đ, anh L không chứng minh có thỏa thuận nào khác, nên đây chính là giao dịch vay.

+ Về số tiền vay, anh Đ cho rằng anh cho anh L vay 2 lần, đến lần 2 mới viết biên nhận gộp chung 476.000.000đ, anh chứng minh bằng giấy biên nhận nợ ngày 3/9/2016, có anh L ký tên, nhưng anh L không thừa nhận giấy biên nhận nợ và số tiền nợ là 476.000.000đ; anh Đ không chứng minh đựoc biên nhận nợ ghi gộp 2 lần vay bằng 476.000.000đ, mà giấy biên nhận thể hiện ngay dòng đầu bằng dòng chữ hôm nay ngày 11 tháng 7 năm 2016 và tiếp theo là họ tên địa chỉ người mượn tiền, số tiền mượn 76.000.000đ và giao hẹn điều kiện, thời gian trả, cho thấy nội dung biên nhận nợ đã kết thúc; hai dòng chữ tiếp theo ghi nhận ngày 3 tháng 9 nhận thêm 400.000.000đ, thể hiện nội dung không đầy đủ của một giao dịch dân sự vay mượn tiền bình thường, mà thể hiện khoảng cách chữ, khoảng cách dòng chữ không đồng nhất so với các dòng chữ trên, không phù hợp với không gian mặt giấy, biểu hiện của sự phân khúc hai lần viết không cùng thời gian. Chỉ là 1 biên nhận nợ như anh Đ khai nhận chỉ viết một lần vào ngày 3 tháng 9 gộp chung số tiền 2 lần mà ghi mở đầu ”hôm nay ngày 11 tháng 7, lại ghi kết thúc ký tên ngày 3 tháng 9” là không bình thường, không rõ ràng, không có giá trị pháp lý chứng minh. Cho nên anh Đ khởi kiện, cũng như kháng cáo dựa vào giấy biên nhận nợ này đòi anh L phải trả cho anh đủ 476.000.000đ là không có cơ sở.

+ Anh L có sử dụng tiền của anh Đ 76.000.000đ như đã nhận định trên, anh L không chứng minh được số tiền này là giao dịch khác, cũng không chứng minh được là nguồn tiền của chị Mỹ L2 chị của anh ở nước ngoài gửi về như anh khai nại, mà anh L kháng cáo từ chối nghĩa vụ hoàn trả cho anh Đ là không có cơ sở.

[3]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã nhận định và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Đ, anh L, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ phù hợp, được chấp nhận.

[4]. Từ những tình tiết, nội dung nhận định trên, có đủ cơ sở kết luận án sơ thẩm xử chấp nhận 1 phần yêu cầu của anh Đ, buộc anh L trả cho anh Đ 76.000.000đ là có căn cứ pháp luật; anh Đ, anh L kháng cáo đưa ra yêu cầu

không phù hợp, nên đều không được chấp nhận; phải giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]. Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

[6]. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án và phần quyết định của án sơ thẩm tuyên dài, không cụ thể, phúc thẩm cần thiết phải sửa cách tuyên án cho cụ thể rõ ràng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khỏan 1, Điều 148 và khỏan 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/12/2009 và Nghị quyết số326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Hoài Đ; không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Vũ L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 12/3/2018, của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu về tranh chấp hợp đồng vay của anh Lê Hoài Đ đối với anh Nguyễn Vũ L. Buộc anh Nguyễn Vũ L có nghĩa vụ trả cho anh Lê Hoài Đ số tiền là 76.000.000đ (Bảy mươi sáu triệu đồng).

3. Kể từ ngày anh Đ có đơn yêu cầu thi hành án mà anh L chưa thanh toán số tiền nêu trên, thì anh L còn phải chịu lãi cho anh Đ theo mức lãi bằng 50% quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Không chấp nhận phần yêu cầu đòi tiền vay (mượn) 400.000.000đ của anh Lê Hoài Đ đối với anh Nguyễn Vũ L.

5. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2017/QĐ-BPKCTT ngày 21/11/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp để đảm bảo thi hành án.

6. Về án phí:

+ Anh Lê Hoài Đ phải nộp 20.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.520.000đ ngày 14/11/2016, theo biên lai số 034479 và 300.000đ nộp ngày 03/4/2018, theo biên lai số 02576 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự, anh Đ còn phải nộp thêm số tiền là 8.480.000đ.

+ Anh Nguyễn Vũ L phải nộp 3.800.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ ngày 19/3/2018, theo biên lai số 02564 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự, anh L còn phải nộp thêm số tiền là 3.800.000đ.

7. Về chi phí giám định:

+ Anh Lê Hoài Đ phải chịu số tiền là 1.500.000đ (đã nộp, chi xong, không phải nộp thêm).

+ Anh Nguyễn Vũ L phải chịu số tiền là 2.025.000đ (đã nộp, chi xong, không phải nộp thêm).

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND thị xã Hồng Ngự;
- CCTHADS thị xã Hồng Ngự;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Phương